|  |  |
| --- | --- |
| Ngày 29 tháng 9 năm 2025 | *Họ và tên giáo viên: Đoàn Thị Mỹ Ảnh*  *Tổ chuyên môn: Văn- Lịch Sử và Địa lí - GDCD* |

**Chương 2: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ**

**Bài 4: NÔNG NGHIỆP**

# Môn học: Lịch sử và Địa lí 9

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

# I. Mục tiêu

**1. Về kiến thức:**

- Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

- Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

- Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi, thảo luận, trình bày ý tưởng, phản hồi, lắng nghe tích cực giữa các HS trong nhóm.

- Năng lực đặc thù:

+ Nhận thức khoa học Địa lí: phân tích vai trò của các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

+ Tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ để phân tích sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

**3. Về phẩm chất:**

- Trung thực, trách nhiệm với những thành tựu và hoạt động sản xuất nông nghiệp của cả nước và địa phương.

- Ủng hộ các hoạt động nông nghiệp xanh ở địa phương.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Bản đồ phân bố nông nghiệp.

- Bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, video,... liên quan đến nội dung.

- Phiếu học tập.

# III. Tiến trình dạy học

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (5’)**

**a. Mục tiêu:**

- Gợi mở nội dung bài học mới.

- Khơi gợi hứng thú học tập cho HS.

**b. Nội dung:** Đưa học sinh vào tình huống có vấn đề để các em tìm ra câu trả lời, sau đó giáo viên kết nối vào bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV sử dụng các câu ca dao, tục ngữ và hỏi HS: *Các câu ca dao, tục ngữ sau nói đến vấn đề gì trong sản xuất nông nghiệp?*

*“Lúa chiêm lấp ló đầu bờ*

*Hễ nghe tiếng sấm, phất cờ mà lên”;*

*“Đất màu trồng đậu trồng ngô, đất lầy cấy lúa, đất khô làm vườn”;*

*“Muốn cho lúa nảy bông to*

*Cày sâu, bừa kĩ, phân tro cho nhiều,...”*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tự suy nghĩ, tìm câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV căn cứ vào câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài: Nền nông nghiệp nước ta là nền nông nghiệp nhiệt đới, chịu ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên và kinh tế - xã hội. Nền nông nghiệp Việt Nam hiện nay phát triển ra sao? Nêu một số hiểu biết của em về nông nghiệp Việt Nam...

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (80’)**

***1/ Các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp: (35’)***

**a. Mục tiêu:** Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

**b. Nội dung:** HS dựa vào SGK, hoạt động để tìm hiểu nội dung kiến thức.

**c. Sản phẩm:**

***a/ Nhân tố tự nhiên:***

*- Địa hình và đất:*

*+ Vùng đồi núi và cao nguyên thuận lợi phát triển cây công nghiệp, vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả; thích hợp chăn nuôi gia súc lớn.*

*+ Vùng đồng bằng thuận lợi phát triển vùng chuyên canh cây lương thực, thực phẩm (rau, đậu,...),...*

*- Khí hậu:*

*+ Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nguồn nhiệt ẩm dồi dào giúp phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới; cây trồng, vật nuôi sinh trưởng nhanh và phát triển quanh năm, cho năng suất cao.*

*+ Khí hậu phân hóa theo chiều bắc - nam, theo độ cao địa hình và theo mùa tạo cơ cấu mùa vụ, sản phẩm đa dạng, phát triển vùng chuyên canh, chuyên môn hóa sản xuất.*

*- Nguồn nước: phong phú, gồm: nước ngầm, sông, hồ, đầm,… cung cấp nước cho sản xuất.*

*- Sinh vật: hệ động, thực vật phong phú, là cơ sở thuần dưỡng, lai tạo cây trồng, vật nuôi.*

***b/ Nhân tố kinh tế - xã hội:***

*- Dân cư và lao động:*

*+ Dân số đông là thị trường tiêu thụ lớn.*

*+ Lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm sản xuất, trình độ cao thuận lợi áp dụng kĩ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại vào sản xuất.*

*- Chính sách phát triển nông nghiệp: hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, thu hút đầu tư, tạo sản phẩm có giá trị cao.*

*- Khoa học công nghệ và cơ sở vật chất kĩ thuật:*

*+ Khoa học công nghệ phát triển tạo nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới phù hợp điều kiện sinh thái, nâng cao năng suất và chất lượng nông sản.*

*+ Cơ sở vật chất kĩ thuật thúc đẩy sản xuất nông nghiệp quy mô lớn.*

*- Thị trường tiêu thụ nông sản: thúc đẩy sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV: - Giảng giải về mối quan hệ giữa các nhân tố và ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố nông nghiệp.

- Yêu cầu HS làm việc theo cặp, đọc kĩ thông tin mục 1 trong SGK, thực hiện nhiệm vụ: Phân tích các nhân tố tự nhiên và KT-XH ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS đọc thông tin trong SGK và tìm câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS tự suy nghĩ, tìm câu trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV chính xác hoá thông tin, nhận xét quá trình làm việc của HS.

***2/ Sự phát triển và phân bố nông nghiệp: (30’)***

**a. Mục tiêu:** Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

**b. Nội dung:** HS dựa vào SGK, hoạt động để tìm hiểu nội dung kiến thức.

**c. Sản phẩm:**

***a/ Ngành trồng trọt:***

*\* Chiếm hơn 60% giá trị sản xuất nông nghiệp (2021). Cây trồng đa dạng, xu hướng chuyển đổi sang cây trồng cho giá trị kinh tế cao, phù hợp điều kiện sinh thái, cho năng suất cao và chất lượng sản phẩm tốt.*

*- Cây lương thực:*

*+ Gồm: lúa, ngô, khoai, sắn,… lúa là cây lương thực chính, có vai trò quan trọng nhất, góp phần đảm bảo an ninh lương thực trong nước và phục vụ xuất khẩu.*

*+ Cơ cấu mùa vụ thay đổi tùy địa phương, nhiều giống mới cho năng suất cao, chất lượng tốt và phù hợp biến đổi khí hậu; mức độ cơ giới hóa cao.*

*+ Lúa trồng khắp cả nước. Hai vùng trọng điểm là Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.*

*- Cây rau, đậu: diện tích tăng để đáp ứng thị trường, trồng khắp cả nước, nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng,…*

*- Cây công nghiệp:*

*+ Cây công nghiệp hàng năm: diện tích, sản lượng lớn là lạc, dậu tương (Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ); mía (Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ,…), bông (Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên,…).*

*+ Cây công nghiệp lâu năm: diện tích lớn là chè, cà phê, điều, hồ tiêu, cao su,… Chè phát triển mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên; cà phê, điều, hồ tiêu, cao su ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.*

*- Cây ăn quả:*

*+ Cây ăn quả nhiệt đới, cận nhiệt đới và ôn đới phát triển thành vùng đặc sản (vải thiều Lục Ngạn - Bắc Giang, bưởi Phúc Trạch - Hà Tĩnh, xoài cát Hòa Lộc - Tiền Giang,…); nhiều giống cây lai tạo cho sản lượng cao, chất lượng tốt.*

*+ Các mô hình trồng theo hướng công nghệ cao, hữu cơ, mô hình VietGAP, GlobalGAP được áp dụng và nhân rộng toàn quốc.*

*+ Diện tích ngày càng tăng, vùng trồng lớn nhất là Đồng bằng sông Cửu Long, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đông Nam Bộ.*

*+ Thị trường xuất khẩu hoa quả mở rộng sang Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a,… góp phần nâng cao giá trị và thu nhập cho nông dân.*

***b/ Ngành chăn nuôi:***

*\* Chiếm hơn 30% giá trị sản xuất nông nghiệp (2021) và có xu hướng tăng lên. Phát triển theo công nghệ cao, sản xuất theo quy mô công nghiệp tập trung. Ưu tiên phát triển bền vững theo hướng hữu cơ, an toàn thực phẩm, chú trọng chế biến và tiêu thụ sản phẩm.*

*- Chăn nuôi trâu, bò: phát triển nuôi thịt, mở rộng quy mô đàn bò sữa; trâu nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, bò nuôi nhiều ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, bò sữa ở Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.*

*- Chăn nuôi lợn: xu hướng chuyển sang phát triển trang trại tập trung và chăn nuôi khép kín từ nhân giống, sản xuất thức ăn, chế biến thành phẩm. Tập trung ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng.*

*- Chăn nuôi gia cầm: phát triển theo hộ gia đình và trang trại với nhiều hình thức nuôi. Đa dạng giống gia cầm: siêu thịt, siêu trứng. Phát triển trên cả nước, nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

\* Sử dụng kĩ thuật mảnh ghép:

- Vòng 1 - nhóm chuyên gia:

GV yêu cầu HS làm việc nhóm, thảo luận và trình bày theo các nhiệm vụ sau:

+ Nhóm 1: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành trồng cây lương thực.

+ Nhóm 2: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành trồng cây thực phẩm, cây ăn quả.

+ Nhóm 3: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành trồng cây công nghiệp.

+ Nhóm 4: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi trâu bò.

+ Nhóm 5: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi lợn.

+ Nhóm 6: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi gia cầm.

-> Nội dung tìm hiểu của từng nhóm: điều kiện phát triển, hiện trạng phát triển (thành

tựu, từng phân ngành), phân bố, hướng phát triển.

- Vòng 2 - nhóm mảnh ghép:

+ GV chia lại nhóm mảnh ghép sao cho nhóm mới này có đủ các thành viên từ các nhóm chuyên gia 1, 2, 3, 4, 5, 6.

+ Nhiệm vụ nhóm mảnh ghép: Từng HS trong nhóm trình bày nội dung đã tìm hiểu ở vòng chuyên gia. Các thành viên khác đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn nội dung. Cả nhóm thống nhất nội dung và điền vào phiếu học tập

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Cây lương thực | Cây rau đậu, cây ăn quả | Cây công nghiệp | Trâu, bò | Lợn | Gia cầm |
| Điều kiện phát triển |  |  |  |  |  |  |
| Hiện trạng phát triển |  |  |  |  |  |  |
| Phân bố |  |  |  |  |  |  |
| Hướng phát triển |  |  |  |  |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc theo yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Đại diện 1 nhóm mảnh ghép báo cáo. Các nhóm khác góp ý bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá.

***3/ Ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh:( ( 15’)***

**a. Mục tiêu:** Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.

**b. Nội dung:** HS dựa vào SGK, hoạt động để tìm hiểu nội dung kiến thức.

**c. Sản phẩm:**

*- Nâng cao sức cạnh tranh của nông sản, tăng chất lượng nông sản, truy xuất nguồn gốc, quy trình sản xuất nông sản.*

*- Thúc đẩy phát triển công nghệ xử lí và tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi.*

*- Góp phần nâng cao thu nhập người dân và nâng cao chất lượng cuộc sống.*

*- Phục hồi, cải tạo và khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Trình bày ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS đọc thông tin trong SGK và tìm câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS tự suy nghĩ, tìm câu trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV chính xác hoá thông tin, nhận xét quá trình làm việc của HS.

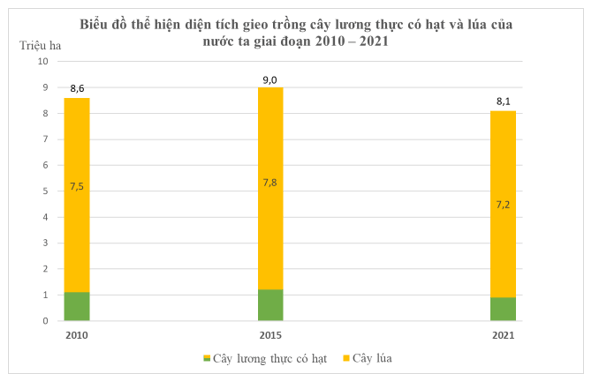
**3. Hoạt động 3: Luyện tập (4’)**

**a. Mục tiêu:**Rèn luyện kĩ năng vẽ biểu đồ.

**b. Nội dung:** HS dựa vào SGK, hoạt động để tìm hiểu nội dung kiến thức.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

- Vẽ biểu đồ:



- Nhận xét: Nhìn chung diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt và lúa của nước ta giai đoạn 2010 - 2021 có sự biến động, xu hướng giảm, song lúa vẫn là cây chủ đạo, cụ thể:

+ Giai đoạn 2010 - 2015, cả diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt và lúa đều tăng lên, đạt 9 triệu ha cây lương thực có hạt, trong đó 7,8 triệu ha lúa (2015).

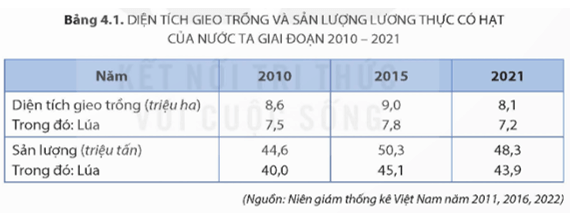
+ Giai đoạn 2015 - 2021, cả diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt và lúa đều giảm, diện tích cây lương thực có hạt giảm xuống chỉ còn 8,1 triệu ha, trong đó diện tích cây lúa giảm còn 7,2 triệu ha (2021).

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS thực hiện bài luyện tập trong SGK: nhắc lại cách nhận dạng biểu đồ, cách vẽ biểu đồ, cách nhận xét.

- Dựa vào bảng 4.1, hãy vẽ biểu đồ thể hiện diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt và lúa của nước ta giai đoạn 2010 - 2021. Nêu nhận xét.



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân, vẽ biểu đồ và nhận xét.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV đưa ra đáp án, những lưu ý khi vẽ biểu đồ và cách nhận xét. HS trao đổi bài, để chấm, chữa cho nhau.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV đánh giá và tổng kết.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (1’)**

**a. Mục tiêu:**Liên hệ được kiến thức đã học để giới thiệu về tình hình sản xuất và phân bố một cây trồng hoặc vật nuôi quan trọng ở địa phương.

**b. Nội dung:** Trả lời câu hỏi vận dụng

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu và giới thiệu về tình hình sản xuất và phân bố một cây trồng hoặc vật nuôi quan trọng ở địa phương.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thu thập thông tin, tính toán và xác định mức thu nhập của gia đình mình.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS gửi lên nhóm lớp.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, góp ý cho HS vào buổi học sau.